

## BÀI 6. SỰ CHUYỂN BIẾN VÀ PHÂN HOÁ CỦA XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

### I MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

#### 1. Về kiến thức

- Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và tác động của nó đối với những chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.
- Mô tả được quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy và giải thích được nguyên nhân của quá trình đó.
- Mô tả và giải thích được sự phân hoá không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.
- Nêu được một số nét cơ bản của quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam.

#### 2. Về kĩ năng, năng lực

- Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.
- Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

#### 3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng các phẩm chất yêu nước, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Lược đồ treo tường *Di chỉ thời đồ đá và đồ đồng ở Việt Nam* (hình 4, tr.22).
- Một số hình ảnh công cụ bằng đồng, sắt của người nguyên thủy trên thế giới và ở Việt Nam, một số mẫu chuyện lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Sơ đồ quá trình xuất hiện công cụ bằng kim loại trên thế giới và Việt Nam.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

## 2. Học sinh

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

# III MỘT SỐ LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

## 1. Về sự phát hiện ra kim loại và bước tiến của xã hội nguyên thủy

- Sự phát hiện ra kim loại: Nội dung này không cần giảng chi tiết về quá trình phát hiện ra kim loại như thế nào và quá trình phát hiện ra kim loại ở các khu vực trên thế giới. Việc phát hiện ra đồng đỏ có thể là một sự ngẫu nhiên. Trong những đám cháy rừng hay trong những hố nung đồ gốm, người nguyên thủy thấy có những cục đồng nóng chảy, vón lại thành cục, họ đem về ghè đẽo như những cục đá. Đồng nguyên chất (đồng đỏ) có đặc tính mềm, dẻo, rất dễ uốn để tạo hình, nên lúc đầu người nguyên thủy chỉ dùng đồng đỏ vào việc chế tạo các đồ trang sức như vòng tay, hoa tai,... Sau đó, họ biết nung nóng đồng cho mềm hơn và cuối cùng biết nấu chảy đồng. Đồng đỏ mềm nên không thể dùng để chế tạo công cụ hay vũ khí. Vì vậy họ đã biết pha đồng với thiếc để cứng hơn, với chì để dễ nóng chảy và giữ nhiệt lâu hơn gọi là đồng thau. Đồng thau nóng chảy được đổ vào các khuôn. Kỹ nghệ đúc đồng đã được hình thành dần dần như thế. Trong tự nhiên không có sắt nguyên chất, chỉ có quặng sắt. Muốn có sắt phải trải qua quá trình nấu quặng hoặc rèn, đập cho hết tạp chất. Vì vậy, việc phát hiện ra sắt chỉ có thể khi kỹ nghệ đúc đồng đã đạt tới đỉnh cao.

- Người nguyên thủy phát hiện ra kim loại từ bao giờ? Khoảng năm 3500 TCN người Xu-me ở Lưỡng Hà, người Ai Cập thời Cổ vương quốc đã biết dùng đồng đỏ. Đến khoảng năm 2000 TCN thì đồng thau đã phổ biến ở nhiều nơi và khoảng năm 1500 TCN, kỹ nghệ đúc đồng đã rất phát triển. Trên cơ sở đó, vào khoảng thiên niên kỉ I TCN, đồ sắt đã ra đời, tuy nhiên niên đại cụ thể ở mỗi khu vực có khác nhau.

- Những tác động của sự xuất hiện kim loại đối với đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của người nguyên thủy là nội dung trọng tâm của mục này. Những tác động đó thể hiện ở các mặt như sau:

+ Công cụ lao động bằng kim loại đã thay thế hoàn toàn cho các công cụ bằng đá. Thời kì đồng đỏ, công cụ bằng đá vẫn chiếm đa số (đồng đỏ chỉ dùng làm đồ trang sức). Đến thời đồng thau, đồ đá chỉ còn rất ít và đến thời đồ sắt thì đồ đá đã bị loại bỏ hoàn toàn. Nhờ kỹ nghệ luyện kim và đúc kim loại người ta đã có thể chế tạo ra rất nhiều các loại công cụ, vũ khí (lưỡi cày, cuốc, rìu, dao găm, mũi giáo, lao, mũi tên,...) cứng hơn, sắc, nhọn hơn rất



nhiều, những loại đồ đựng như bình, nôi, đồ trang sức như vòng tay, hoa tai, lục lạc, các loại nhạc cụ như trống, chiêng, ... đẹp và hiệu quả hơn nhiều.

+ Nhiều ngành sản xuất mới được hình thành: nông nghiệp dùng cày (với việc sử dụng sức kéo của động vật), chăn nuôi súc vật, nghề luyện kim, dệt vải, làm gốm, đồ mộc, ... Trao đổi, buôn bán (thương nghiệp) cũng phát triển.

+ Sản xuất phát triển, tạo ra của cải ngày càng nhiều. Người ta làm ra không chỉ đủ ăn mà còn dư thừa, tạo thành sản phẩm dư thừa thường xuyên trong xã hội. Nhờ đó một bộ phận cư dân không cần sản xuất trực tiếp, có thể được huy động đi làm những công việc khác (như đi lính, xây dựng các công trình công cộng, ...) vẫn được cung cấp lương thực, thực phẩm để sinh sống.

+ Sự xuất hiện của cái dư thừa thường xuyên đã tạo điều kiện cho một bộ phận người chiếm hữu làm của riêng, ngày càng giàu lên, xã hội bắt đầu phân hoá giàu – nghèo.

+ Ngay trong giai đoạn phát triển của thời đại đồng thau, ở một số nơi có điều kiện thuận lợi (như ở Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ, ...), xã hội đã bắt đầu bước vào thời đại văn minh mà không cần chờ tới sự xuất hiện của công cụ đồ sắt.

– Một nội dung khác cũng cần đặc biệt lưu ý trong mục này. Đó là quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy trên thế giới diễn ra không đồng đều ở những khu vực khác nhau.

Biểu hiện:

+ Không đồng đều về mặt thời gian: có nơi sớm hơn, có nơi muộn hơn.

+ Không đồng đều về mức độ triệt để: có nơi thì bị xoá bỏ hoàn toàn, có nơi thì những tàn dư của xã hội nguyên thủy vẫn còn được được bảo tồn mãi về sau này.

## **2. Về sự tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam**

– Quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam cũng diễn ra giống như trên thế giới. Quá trình này được đề cập ở các tài liệu của Việt Nam. Vì vậy, GV có thể lấy các tài liệu cụ thể này để diễn giải và minh chứng cho quá trình tan rã đã trình bày ở trên.

– Quá trình phát hiện ra kim loại ở Việt Nam thể hiện qua sự phát triển của các nền văn hoá đồ đồng ở cả ba miền:

+ Miền Bắc và Bắc Trung Bộ: Các nền văn hoá Phùng Nguyên thuộc sơ kì đồng thau (mới chỉ tìm thấy xỉ đồng và những cục đồng nhỏ), văn hoá Đông Đậu thuộc trung kì đồng thau (đồ đồng đã chiếm hơn 50% số hiện vật tìm được) và văn hoá Gò Mun thuộc hậu kì đồng thau. Các nền văn hoá này còn được gọi là các nền văn hoá tiền Đông Sơn.

+ Trung Bộ: là các di chỉ thời tiền Sa Huỳnh.

+ Nam Bộ: là các di chỉ thuộc nền văn hoá Đông Nai.

Đặc điểm chung của các nền văn hoá thuộc thời đại đồng thau ở Việt Nam là các hiện vật đồng được tìm thấy đều thuộc đồng thau, không có đồng đỏ, các loại hình công cụ, vũ khí, ... rất phong phú, đa dạng, kĩ nghệ luyện kim đã đạt tới trình độ cao (pha thiếc và chì với tỉ lệ tối ưu, khuôn đúc rất hoàn thiện, ...), loại hình đẹp.

– Những biểu hiện của sự chuyển biến dẫn tới sự phân hoá:

+ Do có công cụ kim loại, con người đã khai hoang, mở rộng địa bàn cư trú: các di chỉ đồ đồng được phân bố khắp mọi miền, từ trung du xuống đồng bằng và ven biển, hải đảo.

+ Nghề nông có từ thời văn hoá Hoà Bình, đến giai đoạn này phát triển rộng khắp các vùng miền, có công cụ mới (liềm bằng đồng ở Đồng Đậu),...

+ Tập trung dân cư: vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, vùng đồng bằng ven biển miền Trung và đồng bằng lưu vực sông Đồng Nai.

+ Phân hoá giàu – nghèo: biểu hiện qua mộ táng. Đa số là mộ đất, không có đồ chôn theo, một số mộ có chôn theo công cụ và đồ trang sức bằng đồng.

## **IV GỢI Ý CÁCH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU**

### **1. Mở đầu**

GV có thể đưa ra hình ảnh hoặc hiện vật gì đó bằng kim loại và đặt câu hỏi: *Hiện vật được làm bằng kim loại gì? Kim loại được phát hiện ra từ bao giờ? Kim loại có tác dụng như thế nào trong đời sống con người (xưa và nay)?...*

### **2. Hình thành kiến thức mới**

#### **Mục 1. Sự phát hiện ra kim loại và bước tiến của xã hội nguyên thủy**

##### *a) Nội dung chính*

– Sự phát hiện ra kim loại và những chuyển biến trong đời sống vật chất:

+ Khoảng năm 3500 TCN, người Lương Hà và Ai Cập đã biết dùng đồng đỏ. Khoảng năm 2000 TCN, đồng thau đã phổ biến ở nhiều nơi. Khoảng năm 1500 TCN, kĩ nghệ đúc đồng đã rất phát triển. Khoảng đầu thiên niên kỉ I TCN, đồ sắt ra đời.

+ Vai trò của kim loại:

• Đẩy mạnh sản xuất, nhiều ngành sản xuất mới được ra đời: nông nghiệp dùng cày và chăn nuôi súc vật, nghề luyện kim và chế tạo đồ đồng xuất hiện cùng với các nghề dệt vải, làm đồ gốm,...; trao đổi, buôn bán cũng phát triển.

• Sản xuất phát triển, tạo ra của cải ngày càng nhiều. Người ta làm ra không chỉ đủ ăn mà còn dư thừa, tạo thành sản phẩm dư thừa thường xuyên trong xã hội.

– Sự thay đổi trong đời sống xã hội:

+ Một bộ phận người chiếm hữu của cải dư thừa làm của riêng, ngày càng giàu lên, xã hội bắt đầu phân hoá giàu – nghèo. Chế độ công xã thị tộc bị rạn vỡ, xã hội nguyên thủy dần tan rã. Loài người đứng trước ngưỡng cửa của xã hội có giai cấp và nhà nước.

+ Quá trình này diễn ra không đồng đều trên thế giới, sự phân hoá xã hội có nơi diễn ra triệt để, có nơi không triệt để (tùy thuộc vào điều kiện cụ thể).

##### *b) Tư liệu, kênh hình cần khai thác*

– *Hình 1. Sơ đồ quá trình xuất hiện công cụ bằng kim loại:* Hệ thống hoá kiến thức một cách đơn giản, cô đọng gắn liền với các mốc thời gian tiêu biểu nhất về quá trình xuất hiện công cụ bằng kim loại trên thế giới. Khi sử dụng sơ đồ này, GV cần giới thiệu chi tiết hơn trong từng niên đại, giai đoạn được nêu trên sơ đồ, tức là cần biết kết hợp giữa diễn giảng với sơ đồ trực quan. Ví dụ, khi giới thiệu đến niên đại khoảng năm 2000 TCN, cư dân nhiều nơi đã biết dùng đồng thau, GV nên mở rộng thêm cho HS biết đồng thau là gì, ưu điểm của đồng thau để thấy được vì sao đồng thau làm thay đổi nhiều đời sống con người.



– Hình 2. Gia đình phụ hệ trong công xã thị tộc. Đây là tranh minh hoạ một cảnh sinh hoạt của một gia đình phụ hệ. Đến cuối thời nguyên thuỷ, khi sản xuất phát triển, xuất hiện những ngành sản xuất mới, gắn liền với sự phân công lao động trong xã hội. Nam giới chuyên đảm nhận các công việc nặng nhọc như: đúc đồng, rèn sắt, chăn nuôi gia súc,... Vai trò của họ trong thị tộc – bộ lạc ngày càng được đề cao hơn các thành viên khác. Họ trở thành người chủ gia đình. Con cái lấy theo họ cha. Đó là gia đình phụ hệ. Các gia đình phụ hệ này có xu hướng tách khỏi công xã thị tộc đến những nơi thuận tiện hơn để sinh sống độc lập. Sự xuất hiện của các gia đình phụ hệ cuối thời nguyên thuỷ báo hiệu một thời kì mới trong lịch sử loài người sắp mở ra.

### c) Gợi ý các hình thức tổ chức dạy học

– Từ hoạt động khởi động, GV có thể đặt câu hỏi: *Theo em, kim loại được phát hiện ra như thế nào?* GV định hướng HS khai thác nội dung phần *Em có biết* trong mục này để trả lời. Có thể mở rộng thêm theo gợi ý ở mục III trên đây.

*Yêu cầu cần đạt:* HS nêu được quá trình con người phát hiện ra kim loại: Khoảng 3 500 năm TCN, người Lương Hà và Ai Cập đã biết dùng đồng đỏ. Khoảng 2 000 năm TCN, đồng thau đã phổ biến ở nhiều nơi. Khoảng 1 500 năm TCN, kĩ nghệ đúc đồng đã rất phát triển. Khoảng đầu thiên niên kỉ I TCN, đồ sắt ra đời.

– GV có thể hỏi mở rộng HS về tác dụng của công cụ bằng kim loại: GV gợi ý HS chỉ ra những nhược điểm, hạn chế của nguyên liệu đá (giòn, dễ vỡ, khó chế tạo, kém hiệu quả,...), từ đó định hướng HS tìm ra những ưu điểm vượt trội của kim loại.

– GV đặt câu hỏi để HS thảo luận: *Những thay đổi trong đời sống xã hội khi công cụ bằng kim loại xuất hiện.* GV định hướng HS nhận thức dựa vào nội dung gợi ý ở mục III.

*Yêu cầu cần đạt:* HS nêu được sự thay đổi trong đời sống xã hội khi công cụ bằng kim loại xuất hiện: Một bộ phận người chiếm hữu của cải dư thừa làm của riêng, ngày càng giàu lên, xã hội bắt đầu phân hoá giàu – nghèo. Chế độ công xã thị tộc bị rạn vỡ, xã hội nguyên thuỷ dần tan rã.

– GV đặt câu hỏi cho HS thảo luận: *Vì sao xã hội nguyên thuỷ ở phương Đông phân hoá nhưng lại không triệt để?* Đây là câu hỏi đòi hỏi HS phải có tư duy để suy luận. GV có thể định hướng cho HS nội dung bài học để trả lời.

*Yêu cầu cần đạt:* HS giải thích được sự phân hoá không triệt để của xã hội nguyên thuỷ ở phương Đông đó là do: cư dân chủ yếu sinh sống ven các con sông lớn, cư dân phải liên kết với nhau để làm thủy lợi và chống ngoại xâm. Tính liên kết cộng đồng và nhiều tập tục của xã hội nguyên thuỷ vẫn được bảo lưu.

Để giúp HS hiểu cặn kẽ hơn về vấn đề này, GV có thể phân tích thêm: Ở phương Đông, cư dân thường sinh sống ven các dòng sông lớn, điều kiện tự nhiên thuận lợi (đất phù sa màu mỡ và mềm, dễ canh tác nên chỉ cần công cụ bằng gỗ, đá cũng có thể canh tác, trồng trọt đạt hiệu quả cao...). Đồng thời, cư dân ở khu vực này luôn phải chống chọi với lũ lụt nên họ sớm biết liên kết với nhau để đắp đê, làm kênh tưới tiêu cho đồng ruộng,... Tất cả những điều đó đã dẫn tới xã hội nguyên thuỷ ở khu vực này sớm bị phân hoá, xuất hiện kẻ giàu, người nghèo và hình thành xã hội có giai cấp. Tuy nhiên quá trình phân hoá ở đây không triệt để, biểu hiện như:

+ Còn bảo tồn lâu dài các quan hệ thân tộc, tức là quan hệ dòng máu, họ hàng, quan hệ làng xóm, ... theo cách sống “tối lửa, tắt đèn” có nhau.

+ Vai trò của những người đứng đầu thị tộc vẫn tiếp tục được duy trì dẫn tới sự tồn tại trong xã hội một lớp người “cha truyền con nối”, “con vua thì lại làm vua”, “sống lâu lên lão làng”. Đó là những tàn dư của quan hệ trong xã hội nguyên thủy còn tồn tại đến xã hội có giai cấp ở phương Đông.

## **Mục 2. Sự tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam**

### *a) Nội dung chính*

– Sự xuất hiện kim loại:

+ Thời gian xuất hiện: từ khoảng 4 000 năm trước (bắt đầu với văn hoá Phùng Nguyên).

+ Địa điểm: trải rộng trên địa bàn cả nước (nêu dẫn chứng).

– Sự phân hoá và tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam, biểu hiện:

+ Nhờ có công cụ kim loại, con người đã khai hoang, mở rộng địa bàn cư trú (dẫn chứng).

+ Nghề nông đã phát triển rộng khắp các vùng miền.

+ Tập trung dân cư: vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, vùng đồng bằng ven biển miền Trung và đồng bằng lưu vực sông Đồng Nai.

+ Phân hoá giàu – nghèo: biểu hiện qua mộ táng (đa số mộ không có đồ chôn theo, một số mộ có chôn theo công cụ và đồ trang sức bằng đồng).

### *b) Tư liệu, kênh hình cần khai thác*

– *Hình 3. Sơ đồ các nền văn hoá đồ đồng ở Việt Nam*: Hệ thống hoá kiến thức một cách cô đọng, súc tích, gắn liền với các mốc thời gian tiêu biểu nhất về quá trình xuất hiện đồ kim khí ở Việt Nam thông qua các nền văn hoá: Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun (ở Bắc Bộ), tiền Sa Huỳnh (Trung Bộ) và Đồng Nai (Nam Bộ) (Tham khảo thêm nội dung liên quan trong Mục III).

– *Hình 4. Công cụ và vũ khí bằng đồng (văn hoá Gò Mun)*: Gò Mun là địa điểm thuộc xã Tú Xã, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ. Tại đây, vào năm 1961 các nhà khoa học đã phát hiện di chỉ tiêu biểu thuộc văn hoá Gò Mun, tồn tại vào nửa đầu thiên niên kỉ I TCN. Đặc điểm của giai đoạn này là kĩ thuật luyện kim khá phát triển, hiện vật bằng đồng thau đã chiếm trên 50%, gồm: rìu, liềm, giáo, mũi tên, lao, búa, ... đều có họng, chuôi để lắp cán.

### *c) Gợi ý các hình thức tổ chức dạy học*

– GV sử dụng lược đồ *Các di chỉ thời đồ đá và đồ đồng ở Việt Nam*, hướng dẫn HS tìm các di chỉ thuộc thời đại đồ đồng thau và trả lời câu hỏi: *Thời đại đồ đồng ở Việt Nam đã trải qua những nền văn hoá khảo cổ nào?*

+ Dựa vào sơ đồ các nền văn hoá đồ đồng ở Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ (tr.26) và những gợi ý ở mục III trên đây, GV định hướng HS tự trình bày về quá trình phát triển của các nền văn hoá và những đặc điểm tương đồng giữa các nền văn hoá đồ đồng ở ba miền.

*Yêu cầu cần đạt*: HS trình bày được những nền văn hoá khảo cổ đồ đồng ở nước ta, từ đó nêu được sự xuất hiện của kim loại ở Việt Nam.



– GV đặt câu hỏi cho HS khai thác: *Quan sát hình 4, kể tên một số công cụ, vũ khí được tìm thấy thuộc văn hoá Gò Mun. Sự xuất hiện đồ kim khí trên lãnh thổ Việt Nam cho em biết điều gì?* Đây là dạng câu hỏi mang tính suy luận, khuyến khích HS tự rút ra nhận thức, đánh giá của bản thân mình về một vấn đề lịch sử. GV định hướng HS căn cứ vào kiến thức đã được học để tự rút ra suy luận của bản thân (Ví dụ: 1. Từ khoảng hơn 4 000 năm trước đây, cư dân sinh sống trên đất nước Việt Nam đã phát minh ra thuật luyện kim (dẫn chứng); 2. Quá trình đó diễn ra liên tục, không đứt quãng (dẫn chứng); 3. Địa bàn phân bố trải rộng khắp cả nước (dẫn chứng);...). HS có thể đưa ra nhiều đáp án, đáp án được xem là đúng khi đó là những suy luận hợp lí, có dẫn chứng thuyết phục.

– Về những tác động của sự xuất hiện công cụ bằng kim loại tới sự chuyển biến trong đời sống kinh tế – xã hội của người nguyên thủy ở Việt Nam, biểu hiện của sự phân hoá, tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam, GV có thể dựa vào *Lược đồ các di chỉ thời đồ đá và đồ đồng ở Việt Nam* và sơ đồ – trục thời gian ở trên để gợi ý HS trình bày, theo dàn ý sau:

- Sự mở rộng địa bàn cư trú.
- Sự tập trung dân cư.
- Sự phát triển của nghề nông.
- Sự phân hoá giàu – nghèo.

+ Cuối cùng, GV cần nhấn mạnh: Sự phát triển của các nền văn hoá đồ đồng ở ba khu vực này là tiền đề quan trọng dẫn tới sự hình thành các vương quốc cổ đầu tiên ở Bắc Bộ (Văn Lang – Âu Lạc), Trung Bộ (Chăm-pa) và Nam Bộ (Vương quốc Phù Nam).

*Yêu cầu cần đạt:* HS nêu được những tác động của kim loại đến đời sống kinh tế, xã hội của cư dân. Đó là cơ sở cho sự xuất hiện các quốc gia sơ kì đầu tiên trên đất nước Việt Nam.

### **3. Luyện tập và vận dụng**

**Câu 3.** Đây là câu hỏi mang tính vận dụng, liên hệ với thực tiễn, HS có thể thực hiện tại nhà. GV hướng dẫn HS tham khảo thêm thông tin trong sách báo, internet; định hướng HS căn cứ vào những hiểu biết về các loại công cụ, vũ khí bằng đồng mà các em đã được biết thông qua bài học, hãy thử liên hệ xem những công cụ đó hiện nay có còn không, nếu còn thì nêu tên những đồ vật mà các em biết. Các em sẽ nhận ra có rất nhiều hiện vật bằng đồng kiểu dáng như từ thời nguyên thủy nhưng đến nay không còn tồn tại và lí do vì sao. Đó cũng là cơ sở để lí giải tại sao công cụ và vũ khí bằng đồng ngày càng ít được dùng trong đời sống.